

Số 374/QĐ – THCSHL

Noong Bua, ngày 05 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024
của Trường THCS Him Lam**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-PGDĐT ngày 04/12/2024 của Phòng GD-ĐT thành phố Điện Biên phủ. Về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2024 của Trường THCS Him Lam, thành phố Điện Biên phủ, tỉnh Điện Biên.

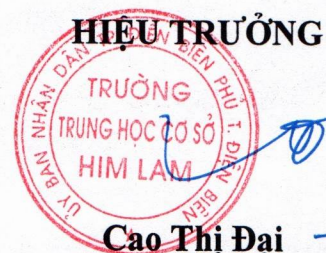
(Có biểu chi tiết đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán, Ban công khai và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trường THCS Him Lam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3.
- Lưu: KT, VT
- Trang Website (công khai)



Số: 324 / QĐ - PGDĐT

Điện Biên Phủ, ngày 04 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ

Căn cứ thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Thành phố thuộc Thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ vào Quyết định số 2336/QĐ-UBND, ngày 18/12/2023 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách thành phố Điện Biên Phủ năm 2024;

Căn cứ vào Quyết định số 2259/QĐ-UBND, ngày 20/11/2024 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc bổ sung dự toán chi cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ phát sinh năm 2024 từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc phòng Giáo dục và đào tạo thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. (Chi tiết kèm theo phụ lục 02)

Điều 2. Căn cứ vào dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 3. Thủ trưởng, kế toán, Hiệu trưởng các đơn vị trường học trực thuộc có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:
- Như trên;
- KBNN Điện Biên;
- Lưu VT.

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Hồng

BIỂU CHI TIẾT GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Mã QHNS	Cộng nguồn 13 (Chi lương, chi khác)	Nguồn 12 (Chi mua sắm trang thiết bị)	Tổng cộng	Ghi chú
I	Sự nghiệp Giáo dục tại VP		(5.000.000.000)	-	(5.000.000.000)	
1	Sự nghiệp mầm non	1032086	(2.030.000.000)		(2.030.000.000)	
2	Sự nghiệp Tiểu học	1032086	(1.160.000.000)		(1.160.000.000)	
3	Sự nghiệp Trung học cơ sở	1032086	(1.810.000.000)		(1.810.000.000)	
II	Sự nghiệp giáo dục tại trường		5.000.000.000	4.000.000.000	9.000.000.000	
1	Sự nghiệp mầm non		2.030.000.000	484.000.000	2.514.000.000	
1.1	Trường MN Nà Nhạn	1096029		120.380.000	120.380.000	
1.2	Trường MN Nà Tấu	1096028	130.000.000		130.000.000	
1.3	Trường MN Võ Nguyên Giáp	1096030	250.000.000		250.000.000	
1.4	Trường MN 7_5	1031114	100.000.000		100.000.000	
1.5	Trường MN Nam Thanh	1029779	150.000.000		150.000.000	
1.6	Trường MN Noong Bua	1031212	70.000.000		70.000.000	
1.7	Trường MN Sơn Ca	1098951	50.000.000	49.900.000	99.900.000	
1.8	Trường MN Hoa Mai	1031111	50.000.000	175.000.000	225.000.000	
1.9	Trường Mầm non Hoà Mi	1104917		39.000.000	39.000.000	
1.10	Trường Mầm non Him Lam	1029630		49.800.000	49.800.000	
1.11	Trường Mầm non 20/10	1029635		49.920.000	49.920.000	
1.12	Trường Mầm non Thanh Trường	1029787	330.000.000		330.000.000	
1.13	Trường MN Hoa Sen	1118308	300.000.000		300.000.000	
1.14	Trường MN Tà Cáng	1115344	180.000.000		180.000.000	
1.15	Trường MN Mường Phăng	1115443	240.000.000		240.000.000	
1.16	Trường MN số 1 Pá Khoang	1105673	80.000.000		80.000.000	
1.17	Trường MN số 2 Pá Khoang	1124553	100.000.000		100.000.000	
2	Sự nghiệp Tiểu học		1.160.000.000	2.730.000.000	3.890.000.000	
2.1	Trường TH số 2 Nà Nhạn	1095976		195.000.000	195.000.000	
2.2	Trường TH Tà Cáng	1095977	160.000.000	195.000.000	355.000.000	
2.3	Trường TH số 2 Nà Tấu	1095994	100.000.000	195.000.000	295.000.000	

2.4	Trường T'H số 1 Pá Khoang	1096003		195.000.000	195.000.000	
2.5	Trường T'H số 1 Nà Nhạn	1095975	50.000.000	195.000.000	245.000.000	
2.6	Trường T'H số 2 Pá Khoang	1095991		195.000.000	195.000.000	
2.7	Trường T'H Võ Nguyên Giáp	1096007	140.000.000	195.000.000	335.000.000	
2.8	Trường T'H Mường Phăng	1096012	140.000.000	195.000.000	335.000.000	
2.9	Trường T'H Hoàng Văn Nô	1031112	50.000.000	195.000.000	245.000.000	
2.10	Trường T'H Bế Văn Đàn	1029638	120.000.000	195.000.000	315.000.000	
2.11	Trường T'H Hà Nội_ĐBP	1029788		195.000.000	195.000.000	
2.13	Trường T'H Noong Bua	1031115	130.000.000	195.000.000	325.000.000	
2.14	Trường T'H Him Lam	1029789	110.000.000	195.000.000	305.000.000	
2.15	Trường T'H Tô Vĩnh Diện	1029637	160.000.000	195.000.000	355.000.000	
3	Sự nghiệp Trung học cơ sở		1.810.000.000	786.000.000	2.596.000.000	
3.1	Trường THCS Nà Nhạn	1095963	310.000.000	197.000.000	507.000.000	
3.2	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	1095956		197.000.000	197.000.000	
3.3	Trường THCS Nà Tàu	1095955	350.000.000		350.000.000	
3.4	Trường THCS Him Lam	1029783	180.000.000		180.000.000	
3.5	Trường THCS Trần Can	1029777	260.000.000		260.000.000	
3.6	Trường THCS Thanh Bình	1031113	200.000.000		200.000.000	
3.7	Trường THCS Tân Bình	1029784	170.000.000		170.000.000	
3.8	Trường THCS Nam Thanh	1029636	50.000.000		50.000.000	
3.9	Trường TH - THCS Th. Trường	1129726	60.000.000	195.000.000	255.000.000	
3.10	Trường THCS Mường Thanh	1029780	150.000.000		150.000.000	
3.11	Trường TH - THCS hermannGmeiner	1131837	80.000.000	197.000.000	277.000.000	